



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY  
PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadinh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam

Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038

Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdong.vn.com

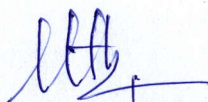
Số/No.: 24.11.12 /TN – 14

Trang/Page: 1 / 2

- |                                            |                                                                                                                                         |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Tên mẫu thử:<br>Name of sample          | Đèn LED Downlight AT30 155/20W 4000K                                                                                                    |
| 2. Khách hàng:<br>Customer                 | CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG<br>Địa chỉ: Số 87-89, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân,<br>TP Hà Nội |
| 3. Nhà sản xuất:<br>Manufacturer           | Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông                                                                                           |
| 4. Số lượng mẫu:<br>Quantity of samples    | 01 cái                                                                                                                                  |
| 5. Ký hiệu:<br>Model                       | AT30 155/20W                                                                                                                            |
| 6. Mã số mẫu:<br>Code of sample            | 24.11.12.14                                                                                                                             |
| 7. Ngày nhận mẫu:<br>Date of reception     | 12/ 11/ 2024                                                                                                                            |
| 8. Tiêu chuẩn áp dụng:<br>Standard applies | TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014<br>TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014                                                           |
| 9. Kết quả:<br>Result                      | Xem trang 02/ 02                                                                                                                        |

Hanoi, Date of 20/ 11/ 2024

Thử nghiệm viên/Tester  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
Nguyễn Minh Thư

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)



Kim Tuấn Anh  
VILAS 126

- 1- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer  
2- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.  
3- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****Test Results**

| TT/<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                                                                  | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method             | Yêu cầu<br>Requirement                 | Kết quả<br>Result |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| 1         | Ghi nhãn                                                                                                        |                | TCVN 7722-1:2017/<br>IEC 60598-1:2014      | Rõ ràng, đủ độ bền                     | Đạt               |
| 2         | Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ $(20 \div 30) ^\circ\text{C}$ , độ ẩm tương đối $(91 \div 95) \% \text{RH}$ |                | TCVN 10885-2-1:2015/<br>IEC 62722-2-1:2014 |                                        |                   |
| 2.1       | Điện trở cách điện                                                                                              | MΩ             |                                            | $\geq 2$                               | > 200             |
| 2.2       | Thử nghiệm độ bền điện áp 1440 V/1 phút, tần số 50 Hz                                                           |                |                                            | Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng | Đạt               |
| 3         | Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 220V/50Hz                                                            |                |                                            |                                        |                   |
| 3.1       | Công suất                                                                                                       | W              |                                            | $\leq 20 + 10\%$                       | 19,4              |
| 3.2       | Dòng điện                                                                                                       | mA             |                                            | --                                     | 154,9             |
| 3.3       | Hệ số công suất                                                                                                 |                |                                            | $\geq 0,5 - 0,05$                      | 0,569             |
| 3.4       | Quang thông                                                                                                     | lm             |                                            | $\geq 2100 - 10\%$                     | 2156              |
| 3.5       | Hiệu suất phát sáng                                                                                             | lm/W           |                                            | $\geq 105 - 20\%$                      | 111,1             |
| 3.6       | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                                                                   | K              |                                            | --                                     | 3902              |
| 3.7       | Hệ số thể hiện màu (CRI)                                                                                        |                |                                            | $\geq 80 - 3$                          | 83,5              |